TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1070/2019/QĐST-HNGĐ	*Thủ Đức, ngày 16 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 938/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Ông Trần Duy H, sinh năm 1980

Thường trú: xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An.

- Người yêu cầu: Bà Lê Thị T, sinh năm 1985

Thường trú: Thôn M, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Tạm trú: đường B, khu phố A, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 9 năm 2019, các đương sự có mặt tại buổi hòa giải thống nhất việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Duy H và bà Lê Thị T thuận tình ly hôn.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2014, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An cấp ngày 12/3/2014).

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thanh H, sinh ngày 11/11/2015 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị T không yêu cầu ông Trần Duy H cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Lê Thị T và ông Trần Duy H phải chịu.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Trần Duy H thuận tình ly hôn.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2014, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An cấp ngày 12/3/2014).

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Thanh H, sinh ngày 11/11/2015 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị T không yêu cầu ông Trần Duy H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Lê Thị T và ông Trần Duy H phải chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0003704 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị T và ông Trần Duy H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- UBND xã D, H. C Tỉnh Nghệ An;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

THẨM PHÁN

Lê Thị Kim Anh